

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VŨNG TÀU
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2022/HNST
Ngày: 22-02-2022
V/v tranh chấp “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Cúc

Các hội thẩm nhân dân: - Ông Nguyễn Văn Hải

- Ông Nguyễn Văn Tám

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Khuất Cao Hoàng, cán bộ Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hiên, Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 777/2021/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2021, về tranh chấp “Ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 215/2021/QĐXX-ST ngày 24 tháng 12 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 21/QĐHPT ngày 24-01-2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị T, sinh năm 1989 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Đường 3/2, Phường T, thành phố V, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu.

Bị đơn: Ông Lê Đình T1, sinh năm 1980 (vắng mặt)

Địa chỉ: Đường 3/2, Phường T, thành phố V, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN :

1. Theo đơn khởi kiện về việc ly hôn, bản tự khai nguyên đơn bà Lê Thị T trình bày :

Về hôn nhân: Bà Lê Thị T và ông Lê Đình T1 tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thọ T, huyện Triệu S, tỉnh T vào ngày 26-7-2008, hôn nhân đúng pháp luật. Trong thời gian chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn bất đồng quan điểm sống, dẫn đến thường xuyên cãi nhau, tình trạng hôn nhân ngày càng trầm trọng hơn, đã sống ly thân mỗi người. Nay bà T xét thấy khả năng đoàn tụ là không thể, tình cảm vợ chồng không còn, hạnh phúc hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn với ông Lê Đình T1.

Về con chung: Bà T và ông T1 có 02 (hai) con chung tên là Lê Thị T2, sinh ngày 26-7-2008 và Lê Đình Hoàng S, sinh ngày 02-4-2012. Bà T có nguyện vọng được nuôi cháu T2 và cháu S, không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. *Đối với ông Lê Đình T1* Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt và không có ý kiến gì.

3. *Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:* Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn của mình. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử và thư ký tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ, bị đơn chưa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Bà Lê Thị T, có đơn khởi kiện “Ly hôn” với ông Lê Đình T1, ông T1 có nơi cư trú tại thành phố Vũng Tàu nên xác định đây là vụ án hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu theo quy định tại Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu đã tổng đạt giấy triệu tập hợp lệ yêu cầu ông Lê Đình T1 đến Tòa để giải quyết vụ án, hòa giải, xét xử. Tuy nhiên, ông T1 vẫn vắng mặt. Tại phiên tòa, bà T vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt ông T1, bà T.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa bà Lê Thị T và ông Lê Đình T1 là hợp pháp đúng quy định pháp luật.

Quá trình chung sống, bà T và ông T1 phát sinh mâu thuẫn là có thật. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông T1 đến làm việc tạo điều kiện cho hai bên hòa giải để hàn gắn cuộc sống vợ chồng nhưng ông T1 vẫn cố tình vắng mặt. Điều này thể hiện ông T1 không có thiện chí hàn gắn tình cảm, không coi trọng cuộc sống vợ chồng, không thể hiện thiện chí đoàn tụ. Như vậy khả năng hàn gắn tình cảm giữa bà T và ông T1 là không thể thực hiện được, tình trạng mâu thuẫn đã có, mỗi người sống một nơi, mục đích hôn nhân không đạt, nên yêu cầu xin ly hôn của bà T là có cơ sở. Vì vậy, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Lê Thị T đối với ông Lê Đình T1.

[3]. Về con chung: Bà Lê Thị T đối với ông Lê Đình T1 có 02 (hai) con chung tên là Lê Thị T2, sinh ngày 26-7-2008 và Lê Đình Hoàng S, sinh ngày 02-4-2012. Bà T có nguyện vọng được nuôi cháu T2 và cháu S, không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con.

Theo quy định của pháp luật, con trên 07 tuổi phải xem xét nguyện vọng của các con. Cháu T2 có nguyện vọng được ở với ông T1, cháu S có nguyện vọng được ở với bà T. Tuy nhiên, từ trước đến nay cháu T2 và cháu S đều do bà T là người trực tiếp chăm sóc và gần gũi quan tâm. Cháu T2 là con gái, xét về mặt tình cảm, đạo đức phương pháp nuôi dạy con cái, với vai trò là người mẹ có lợi thế hơn nhiều trong việc nuôi dạy con. Độ tuổi của hai cháu còn nhỏ, đang trong quá trình học hỏi và hình thành nhân cách, đây là giai đoạn cực kỳ quan trọng vì thế cần sự quan tâm chăm sóc của cha mẹ giành cho các con, vai trò của người cha và người mẹ đều như nhau. Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông T1 đến làm việc trình bày ý kiến và tạo điều kiện để cho hai bên hòa giải nhưng vẫn vắng mặt và không đưa ra ý kiến. Để tiếp tục chăm lo việc học tập, giáo dục, đảm bảo quyền và lợi ích cho con chung phát triển lành mạnh về thể chất, trí tuệ, đạo đức, đồng thời hạn chế thấp nhất việc làm xáo trộn đến cuộc sống, tâm tư, tình cảm của các cháu nên Hội đồng xét xử quyết định giao cháu Lê Thị T2, sinh ngày 26-7-2008 và Lê Đình Hoàng S, sinh ngày 02-4-2012 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng.

[4]. Về cấp dưỡng nuôi con: Bà T không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà T phải nộp theo quy định pháp luật.

Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu có căn cứ.

Từ những nhận định trên chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Bà Lê Thị T.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, của Luật hôn nhân và gia đình ; Điều 28, Điều 39, Điều 228 và Điều 273 của Bộ Luật tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị T

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị T được ly hôn với ông Lê Đình T1.

2. Về con chung: Bà Lê Thị T được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Thị T2, sinh ngày 26-7-2008 và cháu Lê Đình Hoàng S, sinh ngày 02- 4-2012. Ông T1 không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông T1 có quyền thăm và chăm sóc con chung không ai được cản trở. Trên cơ sở lợi ích của con, trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Lê Thị T nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân và gia đình, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001448 ngày 16-11-2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu. Bà T đã nộp xong án phí hôn nhân.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án (đối với các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 tính từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai) để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND tp. Vũng Tàu;
- THADS tp. Vũng Tàu;
- UBND xã Thọ T, huyện Triệu S,
tỉnh T;
- Các đương sự;
- Lưu hs vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Cúc

Nơi nhân:

- TAND Tỉnh BR-VT;
- VKSND TPVT;
- THA DS TPVT;
- UBND F11;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên toà.**

Hoàng Thị Cúc

